

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH CAO BẰNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 55/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày 08 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh đơn vị thực hiện nguồn vốn kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng sau sắp xếp

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ 35 (CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 08 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc phân bổ ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022 cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về Kỳ họp thứ 8, quốc hội khóa XV;

Căn cứ Nghị quyết 1657/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Cao Bằng năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4

năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1506/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều 5 của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều 5 của Quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh nguồn vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022, 2023 kéo dài thời gian thực hiện năm 2024;

Xét Tờ trình số 2379/TTr-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về điều chỉnh nguồn vốn kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng sau sắp xếp; Báo cáo thẩm tra số 429/BC-HĐND ngày 07

tháng 8 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh đơn vị thực hiện nguồn vốn kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng sau sắp xếp, như sau:

1. Điều chỉnh vốn ngân sách Trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia:

1.1. Điều chỉnh vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

Tổng số vốn kéo dài sang năm 2025: 327.916,255 triệu đồng. Trong đó: Vốn đầu tư Ngân sách trung ương 192.409,300 triệu đồng (Dự toán vốn được phép kéo dài 125.032,695 triệu đồng, Vốn tạm ứng theo chế độ kéo dài là 67.376,605 triệu đồng); Vốn sự nghiệp Ngân sách trung ương: 130.331,955 triệu đồng). Đối ứng ngân sách địa phương (Vốn sự nghiệp) là 5.175 triệu đồng.

1.1.1. Vốn đầu tư phát triển

Điều chỉnh giảm vốn Ngân sách trung ương giao cho các chủ đầu tư/Đơn vị hành chính cũ để tăng vốn cho các chủ đầu tư/Đơn vị hành chính mới theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, trong đó: Điều chỉnh vốn chuyển nguồn kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025 là 125.032,695 triệu đồng (Dự án 1: 108.915,744 triệu đồng; Dự án 4: 16.116,951 triệu đồng); Điều chỉnh vốn chuyển nguồn tạm ứng sang năm 2025 là 67.376,605 triệu đồng.

1.1.2. Vốn sự nghiệp

Điều chỉnh vốn giao cho các cơ quan/địa phương cũ để chuyển vốn cho các đơn vị/địa phương mới theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, với tổng vốn điều chỉnh là 135.506,955 triệu đồng, trong đó: Ngân sách trung ương: 130.331,955 triệu đồng. Ngân sách địa phương là 5.175 triệu đồng.

(Chi tiết tại Biểu 01,02,03 kèm theo)

1.2. Điều chỉnh vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới:

Tổng số vốn điều chỉnh là 41.948,306 triệu đồng (Vốn đầu tư: ngân sách trung ương 27.904,819 triệu đồng, đối ứng ngân sách địa phương 1.787,778 triệu đồng, vốn chuyển nguồn tạm ứng sang năm 2025 là 5.555,962 triệu đồng; Vốn sự nghiệp ngân sách trung ương: 6.699,747 triệu đồng), trong đó:

1.2.1. Vốn đầu tư

a. Điều chỉnh vốn NSTW chuyển nguồn kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025 là 27.904,819 triệu đồng, trong đó:

- Điều chỉnh giảm vốn giao cho các cơ quan/địa phương cũ để tăng vốn cho các đơn vị xã mới theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp là 27.444,828 triệu đồng.

- Điều chỉnh giảm vốn đã nộp trả ngân sách nhà nước của huyện Nguyên Bình (cũ) về cho Sở Nông nghiệp và Môi trường theo dõi là 459,991 triệu đồng.

b. Vốn ngân sách địa phương (ngân sách tỉnh) chuyển nguồn kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025 là 1.787,778 triệu đồng, trong đó:

- Điều chỉnh giảm vốn giao cho các cơ quan/địa phương cũ để tăng vốn cho các đơn vị xã mới theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp là 1.612,017 triệu đồng.

- Điều chỉnh giảm vốn đã nộp trả ngân sách nhà nước của huyện Hòa An về cho Sở Nông nghiệp và Môi trường theo dõi là 175,761 triệu đồng.

c. Vốn chuyển nguồn tạm ứng sang năm 2025 là 5.555,961 triệu đồng.

1.2.2. Vốn sự nghiệp

- Điều chỉnh giảm số vốn hết nhiệm vụ chi của các đơn vị huyện, thành phố (cũ) là 1.515,959 triệu đồng, tăng cho Sở Nông nghiệp và Môi trường (Theo dõi, thực hiện, nộp trả).

- Điều chỉnh giảm 2.530,159 triệu đồng của các đơn vị huyện, thành phố (cũ) để giao cho các xã mới theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

(Chi tiết tại Phụ lục 4,5,6 kèm theo)

1.3. Điều chỉnh vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi:

Tổng số vốn điều chỉnh là 837.930,318 triệu đồng (Vốn đầu tư: ngân sách trung ương 184.800,207 triệu đồng, vốn chuyển nguồn tạm ứng sang năm 2025 là 84.178,660 triệu đồng; Vốn sự nghiệp ngân sách trung ương: 568.951,451 triệu đồng), trong đó:

1.3.1. Vốn đầu tư phát triển:

Điều chỉnh giảm vốn Ngân sách trung ương giao cho các cơ quan/địa phương cũ để tăng vốn cho các đơn vị xã mới theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, trong đó: Điều chỉnh vốn chuyển nguồn kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025 là 184.800,207 triệu đồng; Điều chỉnh vốn chuyển nguồn tạm ứng sang năm 2025 là 84.178,660 triệu đồng.

1.3.2. Vốn sự nghiệp:

Điều chỉnh vốn Ngân sách trung ương giao cho các cơ quan/địa phương cũ để chuyển vốn cho các đơn vị/địa phương mới theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, với tổng vốn điều chỉnh là 568.951,451 triệu đồng.

(Chi tiết như Phụ lục 07, 08, 09 kèm theo)

2. Điều chỉnh phân bổ chi tiết dự án đầu tư cho các sở, ban, ngành của tỉnh.

(Chi tiết như Phụ biểu 01 kèm theo)

3. Các nội dung khác không điều chỉnh thực hiện theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022; Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 02 tháng 11 năm 2022; Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022; Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022; Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2023; Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 25 tháng 9 năm 2022; Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết và báo cáo kết quả với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII, Kỳ họp thứ 35 (*Chuyên đề*) thông qua ngày 08 tháng 8 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Bế Thanh Tịnh